

UBND THÀNH PHỐ BẾN CÁT  
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN TÂY

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin chất lượng Giáo dục tiểu học thực tế cuối năm**  
**Năm học 2024-2025**

| STT | Nội dung                                    | Tổng số        | Chia ra theo khối lớp |              |              |              |              |
|-----|---------------------------------------------|----------------|-----------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|     |                                             |                | Lớp 1                 | Lớp 2        | Lớp 3        | Lớp 4        | Lớp 5        |
| I   | Tổng số học sinh                            | 2461           | 525                   | 531          | 569          | 411          | 425          |
| II  | Số học sinh học 2 buổi/ngày                 | 2461           | 525                   | 531          | 569          | 411          | 425          |
| III | Số học sinh chia theo năng lực và phẩm chất | 2461           | 525                   | 531          | 569          | 411          | 425          |
| 1   | Năng lực                                    | 2461           | 525                   | 531          | 569          | 411          | 425          |
| 1.1 | Tự chủ và tự học                            | 2461           | 525                   | 531          | 569          | 411          | 425          |
|     | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)               | 1184<br>48,1%  | 281<br>53,5%          | 230<br>43,3% | 256<br>45%   | 223<br>54,3% | 194<br>45,6% |
|     | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)               | 1260<br>51,2 % | 239<br>45,5%          | 293<br>55,2% | 310<br>54,5% | 187<br>45,5% | 231<br>54,4% |
|     | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số)       | 17<br>0,7%     | 5<br>1%               | 8<br>1,5%    | 3<br>0,5%    | 1<br>0,2%    | 0<br>0%      |
| 1.2 | Giao tiếp và hợp tác                        | 2461           | 525                   | 531          | 569          | 411          | 425          |
|     | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)               | 1319<br>53,6%  | 293<br>55,8%          | 245<br>46,1% | 276<br>48,5% | 224<br>54,5% | 281<br>66,1% |
|     | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)               | 1136<br>46,2%  | 229<br>43,6%          | 283<br>53,3% | 293<br>51,5% | 187<br>45,5% | 144<br>33,9% |
|     | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số)       | 6<br>0,2%      | 3<br>0,6%             | 3<br>0,6%    | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| 1.3 | Giải quyết vấn đề và sáng tạo               | 2461           | 525                   | 531          | 569          | 411          | 425          |
|     | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)               | 929<br>37,7%   | 255<br>48,6%          | 214<br>40,3% | 163<br>28,6% | 149<br>36,3% | 148<br>34,8% |
|     | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)               | 1499<br>60,9%  | 258<br>49,1%          | 305<br>57,4% | 399<br>70,1% | 260<br>63,3% | 277<br>65,2% |
|     | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số)       | 33<br>1,3%     | 12<br>2,3%            | 12<br>2,3%   | 7<br>1,2%    | 2<br>0,5%    | 0<br>0%      |

| STT        | Nội dung                              | Tổng số       | Chia ra theo khối lớp |              |              |              |              |
|------------|---------------------------------------|---------------|-----------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|            |                                       |               | Lớp 1                 | Lớp 2        | Lớp 3        | Lớp 4        | Lớp 5        |
| <b>1.4</b> | <b>Ngôn ngữ</b>                       | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|            | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1096<br>44,5% | 263<br>50,1%          | 220<br>41,4% | 234<br>41,1% | 186<br>45,3% | 193<br>45,4% |
|            | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1338<br>54,4% | 253<br>48,2%          | 298<br>56,1% | 331<br>58,2% | 224<br>54,5% | 232<br>54,6% |
|            | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 27<br>1,1%    | 9<br>1,7%             | 13<br>2,4%   | 4<br>0,7%    | 1<br>0,2%    | 0<br>0%      |
| <b>1.5</b> | <b>Tính toán</b>                      | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|            | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1167<br>47,4% | 300<br>57,1%          | 232<br>43,7% | 232<br>40,8% | 192<br>46,7% | 211<br>49,6% |
|            | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1269<br>51,6% | 214<br>40,8%          | 289<br>54,4% | 334<br>58,7% | 218<br>53%   | 214<br>50,4% |
|            | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 25<br>1%      | 11<br>2,1%            | 10<br>1,9%   | 3<br>0,5%    | 1<br>0,2%    | 0<br>0%      |
| <b>1.6</b> | <b>Tin học</b>                        | <b>1405</b>   |                       |              | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|            | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 580<br>41,3%  |                       |              | 235<br>41,3% | 166<br>40,4% | 179<br>42,1% |
|            | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 822<br>58,5%  |                       |              | 333<br>58,5% | 243<br>59,1% | 246<br>57,9% |
|            | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 3<br>0,2%     |                       |              | 1<br>0,2%    | 2<br>0,5%    | 0<br>0%      |
| <b>1.7</b> | <b>Công nghệ</b>                      | <b>1405</b>   |                       |              | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|            | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 842<br>59,9%  |                       |              | 290<br>51,0% | 255<br>62,0% | 297<br>69,9% |
|            | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 563<br>40,1%  |                       |              | 279<br>49,0% | 156<br>38,0% | 128<br>30,1% |
|            | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       |                       |              | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>1.8</b> | <b>Khoa học</b>                       | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|            | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1422<br>57,8% | 295<br>56,2%          | 265<br>49,9% | 313<br>55,0% | 258<br>52,8% | 291<br>68,5% |
|            | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1039<br>42,2% | 230<br>43,8%          | 266<br>50,1% | 256<br>45,0% | 153<br>37,2% | 134<br>31,5% |
|            | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |

| STT         | Nội dung                              | Tổng số       | Chia ra theo khối lớp |              |              |              |              |
|-------------|---------------------------------------|---------------|-----------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|             |                                       |               | Lớp 1                 | Lớp 2        | Lớp 3        | Lớp 4        | Lớp 5        |
| <b>1.9</b>  | <b>Thẩm mĩ</b>                        | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|             | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1427<br>58,0% | 305<br>58,1%          | 295<br>55,6% | 283<br>49,7% | 256<br>62,3% | 288<br>67,8% |
|             | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1034<br>42,0% | 220<br>41,9%          | 236<br>44,4% | 286<br>50,3% | 155<br>37,7% | 137<br>32,2% |
|             | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>1.10</b> | <b>Thể chất</b>                       | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|             | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1688<br>68,6% | 328<br>62,5%          | 360<br>67,8% | 352<br>61,9% | 298<br>72,5% | 350<br>82,4% |
|             | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 773<br>31,4%  | 197<br>37,5%          | 171<br>32,2% | 217<br>38,1% | 113<br>27,5% | 75<br>17,6%  |
|             | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>2</b>    | <b>Phẩm chất</b>                      | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
| <b>2.1</b>  | <b>Yêu nước</b>                       | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|             | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1613<br>65,5% | 327<br>62,3%          | 299<br>56,3% | 364<br>64,0% | 306<br>74,5% | 317<br>74,6% |
|             | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 848<br>34,5%  | 198<br>37,7%          | 232<br>43,7% | 205<br>36,0% | 105<br>25,5% | 108<br>25,4% |
|             | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>2.2</b>  | <b>Nhân ái</b>                        | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|             | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1610<br>65,4% | 332<br>63,2%          | 300<br>56,5% | 356<br>62,6% | 295<br>71,8% | 327<br>76,9% |
|             | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 851<br>34,6%  | 193<br>36,8%          | 231<br>43,5% | 213<br>37,4% | 116<br>28,2% | 98<br>23,1%  |
|             | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>2.3</b>  | <b>Chăm chỉ</b>                       | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|             | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1143<br>46,4% | 280<br>53,3%          | 239<br>45,0% | 247<br>43,4% | 229<br>55,7% | 148<br>34,8% |
|             | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1311<br>53,3% | 243<br>46,3%          | 287<br>54,0% | 322<br>56,6% | 182<br>44,3% | 277<br>65,2% |
|             | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 7<br>0,3%     | 2<br>0,4%             | 1<br>1%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |

| STT        | Nội dung                                     | Tổng số       | Chia ra theo khối lớp |              |              |              |              |
|------------|----------------------------------------------|---------------|-----------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|            |                                              |               | Lớp 1                 | Lớp 2        | Lớp 3        | Lớp 4        | Lớp 5        |
| <b>2.4</b> | <b>Trung thực</b>                            | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|            | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                | 1614<br>65,6% | 335<br>63,8%          | 306<br>57,6% | 342<br>60,1% | 298<br>72,5% | 333<br>78,4% |
|            | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                | 847<br>34,4%  | 190<br>36,2%          | 225<br>42,4% | 227<br>39,9% | 113<br>27,5% | 92<br>21,6%  |
|            | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số)        | 0<br>0%       | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>2.5</b> | <b>Trách nhiệm</b>                           | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|            | Tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                | 1358<br>55,2% | 294<br>56,0%          | 249<br>46,9% | 277<br>48,7% | 241<br>58,6% | 297<br>69,9% |
|            | Đạt<br>(tỷ lệ so với tổng số)                | 1101<br>44,7% | 231<br>44,0%          | 280<br>52,7% | 292<br>51,3% | 170<br>41,4% | 128<br>30,1% |
|            | Cần cố gắng<br>(tỷ lệ so với tổng số)        | 2<br>0,1%     | 0<br>0%               | 2<br>0,4%    | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>IV</b>  | <b>Số học sinh chia theo kết quả học tập</b> | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
| <b>1</b>   | <b>Tiếng Việt</b>                            | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|            | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)     | 1100<br>44,7% | 262<br>49,9%          | 219<br>41,2% | 234<br>41,1% | 186<br>45,3% | 199<br>46,8% |
|            | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1333<br>54,2% | 253<br>48,2%          | 299<br>56,3% | 331<br>58,2% | 224<br>54,5% | 226<br>53,2% |
|            | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)    | 28<br>1,1%    | 10<br>1,9%            | 13<br>2,4%   | 4<br>0,7%    | 1<br>0,2%    | 0<br>0%      |
| <b>2</b>   | <b>Toán</b>                                  | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|            | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)     | 1166<br>47,4% | 301<br>57,3%          | 230<br>43,3% | 232<br>40,8% | 191<br>46,5% | 212<br>49,9% |
|            | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 1270<br>51,6% | 213<br>40,6%          | 291<br>54,8% | 334<br>58,7% | 219<br>53,3% | 213<br>50,1% |
|            | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)    | 25<br>1,0%    | 11<br>2,1%            | 10<br>1,9%   | 3<br>0,5%    | 1<br>0,2%    | 0<br>0%      |
| <b>3</b>   | <b>Đạo đức</b>                               | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|            | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)     | 1572<br>63,9% | 325<br>61,9%          | 286<br>53,9% | 332<br>58,3% | 277<br>67,4% | 352<br>82,8% |
|            | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)         | 889<br>36,1%  | 200<br>38,1%          | 245<br>46,1% | 237<br>41,7% | 134<br>32,6% | 73<br>17,2%  |
|            | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)    | 0<br>0%       | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |

| STT      | Nội dung                                  | Tổng số       | Chia ra theo khối lớp |              |              |              |              |
|----------|-------------------------------------------|---------------|-----------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|          |                                           |               | Lớp 1                 | Lớp 2        | Lớp 3        | Lớp 4        | Lớp 5        |
| <b>4</b> | <b>Tự nhiên và Xã hội</b>                 | <b>1625</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   |              |              |
|          | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)  | 900<br>55,4%  | 302<br>57,5%          | 262<br>49,3% | 336<br>59,1% |              |              |
|          | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)      | 725<br>44,6%  | 223<br>42,5%          | 269<br>50,7% | 233<br>40,9% |              |              |
|          | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      |              |              |
| <b>5</b> | <b>Khoa học</b>                           | <b>836</b>    |                       |              |              | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|          | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)  | 553<br>66,1%  |                       |              |              | 258<br>62,8% | 295<br>69,4% |
|          | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)      | 283<br>33,9%  |                       |              |              | 153<br>37,2% | 130<br>30,6% |
|          | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       |                       |              |              | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>6</b> | <b>Lịch sử và Địa lí</b>                  | <b>836</b>    |                       |              |              | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|          | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)  | 539<br>64,5%  |                       |              |              | 250<br>60,8% | 289<br>68,0% |
|          | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)      | 297<br>35,5%  |                       |              |              | 161<br>39,2% | 136<br>32,0% |
|          | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       |                       |              |              | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>7</b> | <b>Âm nhạc</b>                            | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|          | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)  | 1404<br>57,0% | 315<br>60,0%          | 275<br>51,8% | 278<br>48,9% | 285<br>69,3% | 251<br>59,1% |
|          | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)      | 1057<br>43,0% | 210<br>40,0%          | 256<br>48,2% | 291<br>51,1% | 126<br>30,7% | 174<br>40,9% |
|          | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>8</b> | <b>Mĩ thuật</b>                           | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|          | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)  | 1446<br>58,8% | 311<br>59,2%          | 311<br>58,6% | 278<br>48,9% | 256<br>62,3% | 290<br>68,2% |
|          | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)      | 1015<br>41,2% | 214<br>40,8%          | 220<br>41,4% | 291<br>51,1% | 155<br>37,7% | 135<br>31,8% |
|          | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |

| STT       | Nội dung                                  | Tổng số       | Chia ra theo khối lớp |              |              |              |              |
|-----------|-------------------------------------------|---------------|-----------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|           |                                           |               | Lớp 1                 | Lớp 2        | Lớp 3        | Lớp 4        | Lớp 5        |
| <b>9</b>  | <b>Hoạt động trải nghiệm</b>              | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|           | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)  | 1482<br>60,2% | 307<br>58,5%          | 269<br>50,7% | 309<br>54,3% | 277<br>67,4% | 320<br>75,3% |
|           | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)      | 979<br>39,8%  | 218<br>41,5%          | 262<br>49,3% | 260<br>45,7% | 134<br>32,6% | 105<br>24,7% |
|           | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>10</b> | <b>Giáo dục thể chất</b>                  | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|           | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)  | 1696<br>68,9% | 328<br>62,5%          | 363<br>68,4% | 353<br>62,0% | 298<br>72,5% | 354<br>83,3% |
|           | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)      | 765<br>31,1%  | 197<br>37,5%          | 168<br>31,6% | 216<br>38,0% | 113<br>27,5% | 71<br>16,7%  |
|           | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       | 0<br>0%               | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>11</b> | <b>Công nghệ</b>                          | <b>1405</b>   |                       |              | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|           | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)  | 847<br>60,3%  |                       |              | 293<br>51,5% | 255<br>62,0% | 299<br>70,4% |
|           | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)      | 558<br>39,7%  |                       |              | 276<br>48,5% | 156<br>38,0% | 126<br>29,6% |
|           | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 0<br>0%       |                       |              | 0<br>0%      | 0<br>0%      | 0<br>0%      |
| <b>12</b> | <b>Tin học</b>                            | <b>1405</b>   |                       |              | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|           | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)  | 551<br>39,2%  |                       |              | 209<br>36,7% | 166<br>40,4% | 176<br>41,4% |
|           | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)      | 851<br>60,6%  |                       |              | 359<br>63,1% | 243<br>59,1% | 249<br>58,6% |
|           | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 3<br>0,2%     |                       |              | 1<br>0,2%    | 2<br>0,5%    | 0<br>0%      |
| <b>13</b> | <b>Ngoại ngữ</b>                          | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
|           | Hoàn thành tốt<br>(tỷ lệ so với tổng số)  | 956<br>38,8%  | 228<br>43,4%          | 170<br>32,0% | 216<br>38,0% | 174<br>42,3% | 168<br>39,5% |

| STT       | Nội dung                                  | Tổng số       | Chia ra theo khối lớp |              |              |              |              |
|-----------|-------------------------------------------|---------------|-----------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|           |                                           |               | Lớp 1                 | Lớp 2        | Lớp 3        | Lớp 4        | Lớp 5        |
|           | Hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số)      | 1487<br>60,4% | 290<br>55,2%          | 356<br>67,0% | 349<br>61,3% | 235<br>57,2% | 257<br>60,5% |
|           | Chưa hoàn thành<br>(tỷ lệ so với tổng số) | 18<br>0,7%    | 7<br>1,3%             | 5<br>0,9%    | 4<br>0,7%    | 2<br>0,5%    | 0<br>0%      |
| <b>V</b>  | <b>Kết quả đánh giá học sinh</b>          | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
| 1         | Hoàn thành xuất sắc                       | 748<br>30,4%  | 212<br>40,4%          | 171<br>32,2% | 142<br>25,0% | 114<br>27,7% | 109<br>25,6% |
| 2         | Hoàn thành tốt                            | 160<br>6,5%   | 42<br>8,0%            | 30<br>5,6%   | 21<br>3,7%   | 29<br>7,1%   | 38<br>8,9%   |
| 3         | Hoàn thành                                | 1518<br>61,7% | 259<br>49,3%          | 316<br>59,5% | 399<br>70,1% | 266<br>64,7% | 278<br>65,4% |
| 4         | Chưa hoàn thành                           | 35<br>1,4%    | 12<br>2,3%            | 14<br>2,6%   | 7<br>1,2%    | 2<br>0,5%    | 0<br>0%      |
| <b>VI</b> | <b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>          | <b>2461</b>   | <b>525</b>            | <b>531</b>   | <b>569</b>   | <b>411</b>   | <b>425</b>   |
| 1         | Lên lớp                                   | 2426<br>98,6% | 513<br>97,7%          | 517<br>97,4% | 562<br>98,8% | 409<br>99,5% | 425<br>100%  |
| 2         | Ở lại lớp                                 | 35<br>1,4%    | 12<br>2,3%            | 14<br>2,6%   | 7<br>1,2%    | 2<br>0,5%    | 0<br>0%      |

An Tây, ngày 30 tháng 5 năm 2025

**Thủ trưởng đơn vị**  
**(Ký tên và đóng dấu)**



*Nguyễn Văn Dũng*